TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2019
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 489/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn* ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Hồ Văn T** sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 99/7, ấp T, xã B, huyệnH, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn: Chị **Ngô Thị H**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 99/7, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: số 89A, Nguyễn Công T, phường Z, thành phố H, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 23/8/2007. Sau khi kết hôn chị H về chung sống bên gia đình anh T tại ấp T, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể chung sống với nhau được nữa, anh T và chị H đã không còn sống chung từ cuối năm 2014 cho đến nay, chị H đã về quê ở tỉnh Phú Yên sinh sống. Nay anh Hồ Văn T nhận thấy không còn tình cảm với chị Ngô Thị H nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: có 01 con chung tên Hồ Bích N, sinh ngày 06/11/2007, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt ngày 20/12/2018 của bị đơn chị Ngô Thị H có xác nhận chữ ký chị H trình bày như sau:

Chị H và anh Tlà vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2007 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Hồ Bích N, sinh ngày 06/11/2007. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi. Vì mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2014 chị H đã bồng con về quê Phú Yên sinh sống cho đến nay. Chị H đã nhận được thông báo của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ về yêu cầu ly hôn của anh T.

Về nuôi con chung: Chị H đồng ý nuôi con tên Hồ Bích N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị H đồng ý ly hôn với anh T. Vì hoàn cảnh việc làm ở xa, đi lại khó khăn nên chị H xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, chị cam đoan không khiếu nại gì về sau.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2018 của cháu Hồ Bích N có ý kiến cha mẹ ly hôn con muốn sống với mẹ là Ngô Thị H vì từ trước đến nay mẹ lo cho con ăn học.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Hồ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị H,vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị H đã dắt con về Phú Yên sinh sống từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Về con chung: Vợ chồng có một con chung Hồ Bích N, sinh ngày 06/11/2007, hiện nay cháu N đang ở với chị H, anh T đồng ý giao cháu N cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Chị Ngô Thị H xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Ngô Thị H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt chị Ngô Thị H.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Ngô Thị H kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/8/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn anh T cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên đến năm 2014 chị H dắt con về nhà chị ở Phú Yên sinh sống cho đến nay. Chị H có đơn đồng ý ly hôn với anh T. Do chị H không tham dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Vì vậy cho anh T được ly hôn với chị H được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Bích N, sinh ngày 06/11/2007 hiện nay chị H đang nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, cũng là nguyện vọng của cháu N cha mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ, cho nên Hội đồng xét xử giao cháu Hồ Bích N cho chị Ngô Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có ý kiến giao cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị Ngô Thị H không yêu cầu anh Hồ Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Anh Hồ Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có, chị H có đơn trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hồ Văn T được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Bích N, sinh ngày 06/11/2007 cho chị Ngô Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Hồ Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc anh Hồ Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001947 ngày 03/12/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp